

THÔN HƯNG THẮNG

BIỂU THỐNG KÊ THIẾT HẠI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP SAU BÃO SỐ 5

[illegible]

7	Hà Huy An Tuyết	3.000	700						1200		1			4.250.400
8	Hà Huy Hoá	2.500	800,6						700		0,5			3.425.500
9	Hà Huy Lý	3.000	554,3						450		0,02			3.614.658
10	Đặng Thị Hà	554							700		0,3			1.079.120
11	Hà Huy Đại Tuý	683							100					758.000
12	Đặng Hữu Lưu	1.200	288						200		0,3			1.494.120
13	Nguyễn Văn Quân	4.000							1000		0,25			4.750.100
14	Nguyễn Văn Phương	4866,7							1700					6.141.700
15	Hà Huy Bằng	4.828							1600					6.028.000
16	Nguyễn Văn Tùng	915	118								6			976.400
17	Đặng Hữu Thịnh	3627,5							1500		1			4.752.900
18	Lê Văn Cường	4.295	2000											5.295.000
19	Đặng Hữu Tuân	3.200	255,4						700					3.852.700
20	Đặng Hữu Minh	3.500	155,6						1300		1			4.553.200
21	Hà Văn Tịnh	3.000	789						200					3.544.500
22	Nguyễn Văn Tinh	1.400	568								6			1.686.400
23	Hà Huy Huệ	780							1000					1.530.000
24	Đặng Hữu Thái	3.854	500						6000		1,08			8.604.532
25	Nguyễn Hữu Ninh								1000					750.000
26	Nguyễn Hữu Quý	5.724							700					6.249.000

27	Lê Thị Tuyết	5.500												5.500.000
28	Hà Huy Thái	4.262							500					4.637.000
29	Nguyễn Thị Hoà	1.700												1.700.000
30	Nguyễn Thị Chắt	781												781.200
31	Hà Huy Quế	3.000	488						500					3.619.000
32	Hà Văn Hạnh	870							1200		0,25			1.770.100
33	Hà Văn Vịnh	4.400							600					4.850.000
34	Hà Huy Cảnh Tâm	3.933							500		1			4.308.000
35	Hà Huy Thiệu	1.000	409,7											1.204.850
36	Đặng Hữu Nhị	4.978							800		0,5			5.578.200
37	Nguyễn Thị Tâm	2.000									0,25			1.999.900
38	Đặng Hữu Hải	1.676												1.676.000
39	Hà Huy Tích	2.672									0,84			2.672.136
40	Hà Thị Quế	737	572											1.023.000
41	Đặng Thị Vy	700	431											915.500
42	Bùi Đức Hậu	3.670							1000					4.420.000
43	Hà Huy Thành Thiệu	1.528									0,01			1.527.804
44	Nguyễn Văn Thắng	1.364									1			1.364.400
45	Hà Văn Toàn Diệu	1.508	300						300					1.883.000
46	Hà Văn Diệu	5.500	800						500		0,03			6.275.010

47	Hà Văn Đậu	5.411									0,08			5.411.032
48	Hà Văn Phú	3.790	568						1000		0,5			4.824.200
49	Hà Văn Lượng	3.000	629						1000		0,25			4.064.600
50	Hà Huy Long	4.000	960						300					4.705.000
51	Hồ Quốc Tâm	3.624	796						3000		0,03			6.272.010
52	Phan Thị Hoa	4.871	554						500		0,5			5.523.200
53	Bùi Đức Hùng	1.242							400					1.541.600
54	Hà Văn Lê	7.200							700		3			7.726.200
55	Nguyễn Thị Tiểu	1.701	1061											2.231.400
56	Đặng Hữu Khai	3.189	100						100		1,5			3.314.600
57	Nguyễn Văn Thủy	4.396												4.395.500
58	Đặng Thị Thứ	1.908							400					2.208.000
59	Đặng Hữu Ký	5.200	608								0,03			5.504.010
60	Đặng Hữu Lục	3.000							1600		0,1			4.200.040
61	Đặng Thị Lý	3.300							500		0,2			3.675.080
62	Đặng Thị Liễu	1.544												1.544.300
63	Lê Thị Huê Chân	1.000							1800		1			2.350.400
64	Đặng Quốc Hộ	5.226	500						800					6.076.000
65	Hà Huy Thắng Bình	5.411	567,5						624,2					6.162.900
66	Hà Huy Thường Hoa	3.000	881,3						100					3.515.650

67	Hà Huy Bé	1.575	1000						200					2.224.800
68	Hà Huy Liên	1.595	401											1.795.500
69	Hà Huy Tải	1.902	836,5								0,2			2.320.330
70	Nguyễn Văn Giáp	3.800	700											4.150.000
71	Trần Văn Mạnh	3.300,7	0						250					3.488.200
72	Phan Xuân Huyền	3.295	500						400					3.845.000
73	Hà Văn Hoành	1.857							2000		0,1			3.357.040
74	Hà Văn Túc	1.180							1500					2.305.000
75	Nguyễn Hải Thuận	1.757	1013											2.263.500
76	Nguyễn Trí Vị	2.100	900											2.550.000
77	Nguyễn Thị Xuân	3.390	1410						200					4.245.000
78	Đặng Quốc Tuần	2.500	800											2.900.000
79	Hà Thị Hậu	500									0,3			500.120
80	Nguyễn Hữu Thành	1.500									3,5			1.501.400
81	Hà Huy Tuân Lý	1.000	691											1.345.500
82	Hà Huy Cảnh Hưng	834												834.000
83	Hà Huy Hưng	2.400	700											2.750.000
84	Hà Huy Tịnh	2.501	2431,4						2000		0,4			5.216.760
85	Hà Thị Tuyết	1.700												1.700.000
86	Hà Huy Chính	1.888	165,2						800					2.570.600

87	Hà Văn Quý	2.800	988						1000		0,15			4.044.060
88	Hà Huy Định	3.812	1000								0,3			4.312.120
89	Hà Huy Đoàn	3.282	500,8								0,05			3.532.420
90	Hà Văn Mai	2.400	459						100					2.704.500
91	Hà Huy Quỳnh tịnh										6,1			2.440
92	Nguyễn Thị Chắt	1.500	894,9						592					2.391.450
93	Hà Huy Quân										1,5			600
94	Phan Thị Xoan	1.500	500											1.750.000
95	Hà Thị Chắt	2.500	1500						500					3.625.000
96	Hà Huy Nghinh	1.000	500											1.250.000
97	Hà Huy Nghiệm	980												980.000
98	Hà Văn Cẩm	4.000	960,2						700		1,5			5.005.700
99	Hà Văn Lạc	1.682							150					1.794.000
100	Hà Văn Trung	2.758									0,3			2.757.620
101	Hà Văn Kỳ	2.368	2.437,40						500		0,7			3.962.380
102	Phan Xuân Cung	3.000	500						200					3.400.000
103	Phan Thị Liên	2.500	289						200					2.794.500
104	Phan Xuân Thuận	4.047	200						350					4.409.500
105	Đặng Hữu Thiện	2.133							290		3			2.351.700
106	Nguyễn Văn Lâm	7.249							2000		0,9			8.749.360

[illegible]

[illegible]

[illegible]

167	Nguyễn Thị Liễu	2.618												2.617.600
168	Hà Huy Tứ	1.250												1.250.000
169	Hà Huy Luân	4.000												4.000.000
170	Hà Huy Hiểu	3.000	865						3000					5.682.500
171	Hà Huy Thuận lý	1.832												1.831.700
172	Đặng Hữu Nhi	3.000	2000								0,1			4.000.040
173	Đặng Thị Thiù	1.242							600					1.692.300
174	Chu Văn Diện	4.000	1417,2						2000					6.208.600
175	Hà Huy Thìn Bé	2.747												2.747.000
176	Nguyễn Thị Thanh	1.361	900											1.811.000
177	Phan Xuân Thuỷ	4.500	700						657					5.342.750
178	Phan Xuân Trường								65,9					49.425
179	Đặng Hữu Đỏ	1.500									0,2			1.500.080
180	Đặng Hữu Triển	3.500	400						500		3			4.076.200
181	Hà Huy Tâm	850												850.000
182	Hà Huy Đạt	4.751							700		13			5.281.200
183	Hà Huy Minh	4.028							1280					4.988.100
184	Hà Văn Tương	5.600	551,5						1000					6.625.750
185	Trần Thị Nguyệt	1.500												1.500.000
186	Phan Xuân Dương	4.197	903,6						950		0,01			5.361.104

187	Phạm Văn Tình	4.000	530,4						500		0,05			4.640.220
188	Hà Thị Vân	3.000	2141						927					4.765.750
189	Nguyễn Thị Trang	805							400					1.105.000
190	Trương Thị Minh	1.500	1500						500					2.625.000
191	Hà Huy Tuan Xuân	2.741							2258					4.434.800
192	Nguyễn Hữu Sơn	2.000							2500		3			3.876.200
193	Hà Văn Thuần	6000												6.000.000
194	Nguyễn Thị Lành	1.000	300											1.150.000
195	Nguyễn Đình Thuấn	5.000	535,5						900		0,04			5.942.766
196	Hà Văn Bình	2.995							200					3.144.600
197	Hà Huy Đảm	8.000	1409,7											8.704.850
198	Hà Thị Nhất	1.230												1.230.000
199	Đặng Quốc Đôn	779	614,8						700					1.611.700
200	Đặng Quốc Quân	500	379						300					914.500
201	Hà Huy Thắng Huệ	3.000	1319						3000		7,91			5.912.664
202	Nguyễn Đình Long	3.048												3.048.000
203	Nguyễn Đình Thoả	4.382												4.381.500
204	Nguyen Văn Chất	1.088	100											1.138.000
205	Nguyễn Văn Biểu	3.500	497,6						1740					5.053.800
206	Hà Huy Sữu An	3.851							600					4.301.300

207	Nguyễn Hữu Phúc	5.500												5.500.000
208	Hà Huy Tân Nga	1.200	1000						1000		0,25			2.450.100
209	Hà Huy Ngân	1.000	1000								0,05			1.500.020
210	Hà Huy Quốc	3.388									0,3			3.388.120
211	Đặng Thị Danh								100					75.000
212	Phạm Thị Tuyết	1.728							200					1.877.800
213	Hà Huy Hiếu	927												927.000
214	Hà Huy Trọng Thuý	1.500							1000					2.250.000
215	Hà Huy Thọ	2.891	782,4						500					3.657.400
216	Hà Thị Hoà	500	300											650.000
217	Nguyễn Thị Miện	1.000	500											1.250.000
218	Hà Huy Thọ Mai	3.086							800		0,3			3.686.520
219	Hà Huy Tũ	3.000	156,8						400					3.378.400
220	Hà Huy Hiệu	3.000							1169,8					3.877.350
221	Đậu Thị Hương	2.000							2031					3.523.250
222	Hà Huy Trọng	332,9	1653						500					1.534.400
223	Hà Huy Nhung	1000	1250											1.625.000
224	Hà Huy Phúc	4.500	1.086						1200		1,3			5.943.520
225	Hà Huy Đông	4.000	1066						1000					5.283.000
226	Hà Văn Hoàng								190					142.500

227	Đặng Hữu Tùng	2.000	3077								1,5			3.539.100
228	Hà huy Mạo	3.000	791								0,9			3.395.860
229	Hà Huy Nghiêm	1.000	700											1.350.000
230	Hà Thị Hứa	3.000												3.000.000
231	Hà Huy Hải Hồng	2.500	500											2.750.000
232	Hà Huy Mìu	1.500	496,7											1.748.350
233	Hà Huy Tiến	600	500						1500					1.975.000
234	Hà Huy Giảng	1.117	1000											1.617.000
235	Trần Thị Liên	3.000									0,05			3.000.020
236	Lê Văn Nuôi	3.000	700						500					3.725.000
237	Hà Huy Kính	1.700							300					1.925.000
238	Đặng Thị Phiến	750												750.000
239	Hà Thị Xuân	1.666												1.665.600
240	Hà Huy Trọng	3.748	764,8						2332,6		1,7			5.880.130
241	Hà Huy Tuấn Thắng	5.000	727						400					5.663.500
242	Nguyễn Đình Giao	1.090												1.090.000
243	Nguyễn Đình Nguyệt	4.112	700						400					4.762.000
244	Nguyễn Văn Bằng	2010												2.010.000
245	Chu Văn Lý	3.000	1000						1500					4.625.000
246	Chu Thị Luân	1.990							350					2.252.500

247	Hà Huy Đại	4.500	500						2000		11			6.254.400
248	Nguyễn Thị Dân	1.500	389											1.694.500
249	Hà Huy Tứ													0
250	Hà Huy Duyệt	5.609	1816,1						1500		5			7.644.050
251	Phạm Thị Chuyên	520												520.000
252	Hà Thị Trúc	2.545	1.404											3.247.000
253	Hà Huy Anh Mai	1.496												1.496.000
254	Hà Huy Cảnh Miện	4.352												4.352.000
255	Hà Văn Sứ	5.018	720,6						1500					6.503.300
256	Hà Huy Hải Nga	4.939												4.939.100
257	Hà Thị Liên Tân	2.671												2.671.100
258	Nguyễn Đình Lượng	3.000	1.000						400					3.800.000
259	Hà Huy Kỷ	2.609	1.000						500					3.484.000
260	Đặng Thị Sen	2.000	1.065											2.532.500
261	Hà Huy An Bồn	2.100	1.014						350					2.869.500
262	Đường Khánh	2.050									0,1			2.050.040
263	Hà Thị Huê	2.500	400											2.700.000
264	Hà Văn Vịnh	1.786												1.786.000
265	Hà Huy Dương	2.000												2.000.000
266	Nguyễn Văn Phương	4.000	482,7								3,7			4.242.830

267	Hà Huy Thuận	4.017							900					4.692.000
268	Hà Huy Sứ Tư	3.361							500					3.736.000
269	Hà Huy Thịnh	5.593							900					6.268.000
270	Đặng Hữu Dung	3.500									1,7			3.500.680
271	Đặng Hữu Thiết		1460											730.000
272	Hà Huy Mạnh	1.000	1.033											1.516.500
273	Hà Huy Cảnh Hạnh	2.517	1.000						1000				1.790	5.109.200
274	Hà Huy Hoàn Ninh	1.937	927								0,6			2.400.490
275	Hà Huy Trà Cúc	3.385												3.385.300
276	Hà Huy Hải Hồng	2.500	500											2.750.000
277	Hà Văn Minh	3.500	1200						750		0,21			4.662.584
278	Hà Thị Phượng	2.500	938											2.969.000
279	Phan Thị Chung	1.900												1.900.000
280	Phan Xuân Thẩm	1.079												1.079.000
281	Đặng Hữu Thắng	2.531							500					2.905.900
282	Lê Thị Sam	2.252												2.252.000
283	Nguyễn Thị Huyền	5.000	2000								0,3			6.000.120
284	Hà Huy Tuân	1.260	1.440						725					2.523.750
285	Hà Huy Trường	2.880							200					3.030.000
286	Nguyễn Thị Hiếu	1.253							500		0,05			1.627.820

287	Hà Văn Chung	2.806							200					2.955.700
288	Hà Huy Quyền	4.902							800		9,3			5.505.720
289	Hà Huy Tiến Huê	4.000	300								0,02			4.150.008
290	Hà Văn Hiệp	3.500	670						2000		0,05			5.335.020
291	Hà Huy Dẫn	3.000	477,9						500					3.613.950
292	Nguyễn Thị Nguyệt	3.200	647						1200					4.423.800
293	Nguyễn Thị Tới	2.000	909,1											2.454.550
294	Lê Thị Hoa	906												906.000
295	Phan Xuân Hồng	4.450	750						1701					6.101.050
296	Hà Thị Luận		1967,7											983.850
297	Hà Văn Thanh	3.500	1.000								0,05			4.000.020
298	Lê Thị Thuyết	2.000	490						1000					2.995.000
299	Phan Thị Nhung	800	200											900.000
300	Hà Huy Tuấn Thu	2.070	800											2.470.400
301	Hà Văn Toàn	1.300	507						10000					9.053.300
302	Nguyễn Thị Lương	3.318							1500		1,5			4.443.600
303	Chu Văn Trí	3.361	980						500					4.226.000
304	Hà Huy Cao	1.771												1.771.300
305	Hà Huy Tùng										0,05			20
306	Hà Huy Quý	4.513									0,15			4.512.960

307	Bùi Xuân Quyết													0
308	Hà Thị Phú	3.097												3.097.000
309	Hà Thị Khuơm	4.552												4.552.000
310	Nguyễn Bá Sinh							500		0,02				375.008
311	Nguyễn Văn Tâm	3.500						1000		0,6				4.250.240
312	Hà Huy Thành Tân	1.808	2106											2.861.000
313	Hà Huy Thắng Đa	1.980	450											2.205.000
314	Hà Văn Quý	2.800	988					1000		0,15				4.044.060
315	Nguyễn Văn Bằng	6.450												6.450.000
316	Nguyễn Đình Ninh	2.900						1600						4.099.900
317	Phan Xuân Đức													0
318	Phan Xuân Thuận	5.759						1000						6.509.000
319	Hà Huy Dũng	813						500		1				1.188.600
320	Đặng Hữu Thông	1.500	2.000					2000						4.000.000
321	Đặng Hữu Tình									0,2				80
322	Hà Văn Mạo	1.446	1198,2							0,4				2.045.660
323	Nguyễn Thị Chảm	1.000	2500											2.250.000
324	Hà Huy Thìn Bé	2.747												2.747.400
325	Trần Văn Tuấn	3.200	1000					1018						4.463.500
326	Hà Huy Hiếu	4.000	500					2000		0,03				5.750.012

327	Hà Huy Hoan	4.000	1590						700					5.320.000
328	Hà Huy Hoà	2.000	1544						500		0,7			3.147.280
329	Nguyễn Quang Trung	5.500	2100						500					6.925.000
330	Hà Văn Quỳnh								780					585.000
331	Hà Huy Quý Hải	1.000	415						1000		11			1.961.900
332	Hà Huy Chính Huê													0
333	Nguyễn Thị Loan	2.000												2.000.000
334	Hà Huy Tân Hồng	4.500												4.500.000
335	Hà Huy Cảnh Hưng	1.500												1.500.000
336	Hà Huy Anh Khiên	2.500	1000						3000					5.250.000
337	Nguyễn Thị Liên	760							350					1.022.500
338	Chu Thị Vượng													0
339	Đặng Thị Đào	500												500.000
340	Chu Văn Dũng	1.633	1000											2.133.000
341	Hà Huy Hưng Viên	5.000	1042						2000					7.021.000
342	Hà Huy Quân										2			800
343	Hà Huy Phương	586												586.000
344	Đặng Hữu Vị	1.920												1.920.000
345	Hà Huy Tú	2.000	1456											2.728.000
346	Đặng Hữu Phúc	3.200							1000		0,25			3.950.100

347	Hà Huy Chiến	1.472												1.472.000
348	Hà Văn Thuỳ Lựu										2			800
349	Hà Văn Cẩm	3.500	2000						1700		3,5			5.776.400
350	Hà Văn Cường	1.500												1.500.000
351	Đặng Hữu Hùng	4.010	1232						500					5.001.000
352	Hà Huy Hưng Phương	3.100							500					3.475.000
353	Hà Huy Thảo	1.300												1.300.000
354	Hà Văn Thảo	6.011									4			6.012.600
355	Hà Huy Tiến (Đào)	1.500	394						500				2	2.073.500
356	Nguyễn Đình Tuyên	3.227	1700											4.077.000
357	Hà Huy Hải	500	200											600.000
358	Đặng Thị Lựu	3.500	2730											4.865.000
359	Hà Huy Thắng Hiền	2.000	1000											2.500.000
360	Hà Huy Quế Chính	1.500	1000											2.000.000
	TỔNG	919.351	164.146	0	0	100	0	0	171.698	0	177	0	1.792	1.140.880.736